TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN TRƯỜNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 01 - 2021
V/v: "Ly hôn giữa chị L và anh H".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Thung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Chỉnh;

Bà Đỗ Thị Hồng.

- ***Thư ký phiên toà****:* Bà Trần Thị Kim Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên toà:*** Bà Khổng Thị Tươi - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 142/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020 về việc " Ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đào Thị Thùy L, sinh năm 1987; hộ khẩu: Xóm 10, xã XT, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; hiện ở: Thôn B, xã HX, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ;

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm 10, xã XT, huyện XT, tỉnh Nam Định;

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962; địa chỉ: Xóm 10, xã XT, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

(Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt; anh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/7/2020, quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Đào Thị Thùy L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Xuân H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã XT cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/11/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà bố đẻ anh H, quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau do tính tình, lối sống không hòa hợp, anh H nghiện ma túy, không chịu đi làm đưa chị tiền chi phí trang trải cuộc sống, khi chị góp ý tham gia anh H chửi bới, đánh đập chị. Cũng vì lo cho anh H và tương lai của các con chị đã đưa anh H đi cai nghiện tại trung tâm cai nghiện trên Hà Nội nhưng anh H không từ bỏ được ma túy, cuộc sống của chị rất căng thẳng, mệt mỏi. Do không thể ở được với anh H chị đã về nhà bố mẹ chị tại thôn Bình Minh, xã Hùng Xuyên, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ ở hơn nửa năm nay, vợ chồng sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ không ai quan tâm tới ai. Nay chị xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ nên chị xin ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Ái K, sinh ngày 08/8/2010; Nguyễn Ái Q, sinh ngày 08/6/2012 và Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 15/12/2013. Tại bản tự khai ngày 23/10/2020 chị L xin được nuôi cả 3 con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, còn nếu anh H có nguyện vọng nhận nuôi cháu K thì chị cũng đồng ý vì hiện tại cháu K đang ở với anh H, cháu Q và cháu N đang ở với chị, chị không muốn ảnh hưởng tới việc học hành của các cháu, chị nuôi cháu Q và cháu N còn anh H nuôi cháu K, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Ngày 25/11/2020 chị L có đơn đề nghị và trình bày anh H là người nghiện ma túy, không chịu đi làm, không có tiền để nuôi bản thân, mẹ đẻ anh H đã chết từ lâu, hiện anh H đang ở cùng với bố đẻ là ông T, ông T thì đang bị bệnh thường xuyên ốm yếu nếu chị để cháu K cho anh H nuôi dưỡng thì anh H sẽ không nuôi được cháu K, trong bản tự khai chị trình bày như vậy vì nếu chị không để anh H nuôi cháu K thì chị sợ anh H lại đánh đập chị. Nay với lương tâm và trách nhiệm của người mẹ, nếu chị để cháu K cho anh H nuôi, sau này cháu K có xảy ra vấn đề gì thì cháu K sẽ rất oán hận chị, tại sao

chị là mẹ lại nhận nuôi hai em mà không nhận nuôi và bỏ mặc cháu K, trong khi cháu K cũng có nguyện vọng, đã có đơn đề nghị xin ở với chị nên chị xin được trực tiếp nuôi cả 03 con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ nần liên quan kinh tế với ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Xuân H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy báo và các văn bản tố tụng đến Tòa án làm việc nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị L.

Người làm chứng là ông Nguyễn Văn T trình bày: Anh H là con trai của ông. Chị L và anh H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã XT cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2009. Cuộc sống vợ chồng chị L anh H không hạnh phúc do tính tình, lối sống không hòa hợp và do anh H bị nghiện ma túy. Vợ chồng chị L anh H sống ly thân, chị L về quê ngoại trên Phú Thọ ở hơn nửa năm nay, vợ chồng không ai quan tâm tới ai nữa. Sau khi nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy báo và các văn ban tố tụng của Tòa án đối với anh H, các giấy tờ này ông nhận và ông đã giao trực tiếp cho anh H, anh H có nói với ông vợ chồng sống không hạnh phúc, anh H nhất trí ly hôn chị L nhưng anh H sẽ không đến Tòa án làm việc. Về con chung vợ chồng có 03 con chung như chị L đã trình bày, hiện cháu K đang ở với anh H và ông (T) còn cháu Q và cháu N đang ở với chị L, anh H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu K để chị L tiếp tục nuôi cháu Q và cháu N, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị L và anh H không có tài sản chung, không nợ nần liên quan kinh tế với ai nên anh H không yêu cầu Tòa án xem xét

Kết quả thu thập chứng cứ tại Ủy ban nhân dân xã XT: Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản, diễn biến cuộc sống vợ chồng như chị L trình bày là đúng. Quan điểm của địa phương đề nghị giải quyết chị L và anh H ly hôn. Về con chung, hiện nay cháu Q và cháu N đang ở với chị L còn cháu K đang ở với anh H và ông T, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho các con thì nên giao cả 03 con chung cho mẹ nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng, quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bị đơn chưa chấp hành đúng nghĩa

vụ tham gia tố tụng. Về việc giải quyết vụ án, căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Xử ly hôn giữa chị L và anh H; giao 03 con chung là cháu Nguyễn Ái K, sinh ngày 08/8/2010; Nguyễn Ái Q, sinh ngày 08/6/2012 và Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 15/12/2013 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị L và anh H kết hôn hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do tính tình, lối sống không hòa hợp và do anh H nghiện ma túy, không đi làm đưa tiền cho chị L chi phí trang trải cuộc sống ngược lại còn chửi bới đánh đập chị. Nay chị L xin ly hôn, anh H mặc dù đã biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án và nhiều lần Tòa án báo gọi đến làm việc nhưng anh H không đến, cũng không có ý kiến gì gửi đến Tòa án. Điều này chứng tỏ anh H không còn thiết tha cuộc sống vợ chồng với chị L. Vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau, không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình là vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống, yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh H.

[3] Về con chung: Chị L và anh H có 03 con chung là Nguyễn Ái K, sinh ngày 08/8/2010; Nguyễn Ái Q, sinh ngày 08/6/2012 và Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 15/12/2013. Khi ly hôn, chị L có nguyện vọng được nuôi cả 03 con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; mặc dù ông T trình bày anh H có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi cháu K nhưng bản thân anh H là người nghiện ma túy lại không đi làm tạo thu nhập, cháu K cũng có nguyện vọng như hai em là cháu Q và cháu N là đều xin được ở với mẹ. Xét điều kiện hoàn cảnh thực tế của các đương sự nếu để chị L

trực tiếp nuôi cả 03 con chung sẽ tốt hơn về mọi mặt cho các con nên căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao 03 con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; anh H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Do đương sự xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Đào Thị Thùy L và anh Nguyễn Xuân H.

2. Về con chung: Giao cả 03 con chung Nguyễn Ái K, sinh ngày 08/8/2010; Nguyễn Ái Q, sinh ngày 08/6/2012 và Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 15/12/2013 cho chị Đào Thị Thùy L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Xuân H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn mà không ai được cản trở

Anh Nguyễn Xuân H có trách nhiệm giao con chung Nguyễn Ái K cho chị Đào Thị Thùy L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Chị Đào Thị Thùy L phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo Biên lai thu số AA/2019/0001913 ngày 23/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; chị Đào Thị Thùy L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Đào Thị Thùy L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Xuân H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- UBND xã XT;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Thung